

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 27/2023/HS-ST

Ngày 26 tháng 4 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH TH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Hà Vĩnh; bà Quách Thị Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2023/TLST- HS ngày 04 tháng 4 năm 2023 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Bùi Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 15/6/2000;

Nơi cư trú: thôn TM, xã TL, huyện TT, tỉnh TH. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; con ông: Bùi Văn Ng - sinh năm 1963 và bà: Bùi Thị H - sinh năm 1963;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2023 cho đến. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TT, tỉnh TH; Có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: Anh Bùi Hồng S, sinh năm: 1999

Địa chỉ: Thôn TM, xã TL, huyện TT, TH.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 09/01/2023, Tổ công tác đội CSĐT tội phạm về kinh tế, ma túy Công an huyện TT phối hợp với Công an xã TL làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát trên địa bàn xã TL. Khi đến đoạn đường liên thôn thuộc thôn TM, xã TL thì phát hiện ba đối tượng đang có biểu hiện nghi vấn về hoạt động phạm tội về ma túy. Tổ công tác yêu cầu kiểm tra đối với ba đối tượng xác định gồm: Bùi Văn T - sinh năm 2000; Bùi Hồng S - sinh năm 1999, đều trú tại thôn TM, xã TL, huyện TT, tỉnh TH và Bùi Văn Th - sinh năm 1998, trú tại thôn TS, xã TL, huyện TT, tỉnh TH (là người đi cùng Bùi Hồng S). Qua kiểm tra phát hiện trong lòng bàn tay phải của Bùi Hồng S đang cầm có 02 (hai) gói giấy nhỏ (loại giấy từ tờ lịch), có kích thước khoảng 0,5 x 01cm, bên trong mỗi gói đều có chứa chất bột màu trắng (nghi là ma túy). Tại chỗ S khai nhận 02 (hai) gói đang cầm là ma túy S vừa mua được của Bùi Văn T với giá 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Tiếp tục kiểm tra đối với Bùi Văn T phát hiện tại túi quần phía sau bên trái mà T đang mặc có 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), có số seri NL 21502953 và 02 (hai) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng), có số seri lần lượt là SU 21805518 và SU 21805515. Tại chỗ Bùi Văn T khai nhận số tiền này là tiền T vừa bán ma túy cho S thì bị bắt. Kiểm tra đối với Th không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì. Tổ công tác đã tiến hành mời người chứng kiến quá trình lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong toàn bộ tang vật nói trên.

Quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Văn T, tổ công tác phát hiện thêm 06 (sáu) gói giấy màu trắng (dạng giấy lịch), có kích thước tương đối bằng nhau khoảng 0,5 x 1cm, bên trong mỗi gói có chứa chất bột màu trắng (nghi là ma túy). Tổ công tác đã tiến hành niêm phong toàn bộ tang vật nói trên để điều tra làm rõ.

Tại bản kết luận giám định số 407/KL-KTHS ngày 13/01/2023 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TH kết luận: 02 (hai) gói giấy màu trắng (dạng giấy lịch), có kích thước tương đối bằng nhau khoảng 0,5 x 01cm, bên trong chứa chất bột màu trắng có ký hiệu (M1) là ma túy, có tổng khối lượng là 0,009g (không phải không không chín gam), loại Heroin; 06 (sáu) gói giấy màu trắng (dạng giấy lịch) mỗi gói có kích thước tương đối bằng nhau khoảng 0,5 x 01cm, bên trong mỗi gói chứa chất bột màu trắng có ký hiệu (M2) là ma túy, có tổng khối lượng là 0,127g (không phải một hai bảy gam), loại Heroin.

Kết luận giám định số 482/KL-KTHS ngày 19/01/2023 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TH kết luận: 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), có số seri NL 21502953 và 02 (hai) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng), có số seri lần lượt là SU 21805518 và SU 21805515 thu giữ của Bùi Văn T là tiền thật.

Về nguồn gốc số ma túy, Bùi Văn T khai do bản thân là người nghiện ma túy nên vào khoảng 19 giờ ngày 07/01/2023, T một mình bắt xe khách đến tỉnh BN để tìm mua ma túy. Khi đi đến khu công nghiệp VISIP tỉnh BN thì T gặp một người đàn ông lạ mặt, không rõ tên, tuổi, địa chỉ. Qua trao đổi, T mua được của người này 01 (một) gói ma túy với giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Sau khi mua được ma túy T bắt xe khách quay về nhà ở thôn TM, xã TL, huyện TT, TH và chia nhỏ số ma túy trên thành 13 (mười ba) gói nhỏ tương đối bằng nhau, mục đích sử dụng cho bản thân và bán để kiếm lời. Trong hai ngày từ 07/01/2023 đến 09/01/2023 T đã sử dụng hết 05 (năm) gói, còn lại 08 (tám) gói, T cất giấu trong người với mục đích sử dụng cho bản thân và bán cho người nghiện có nhu cầu để kiếm lời. Đến khoảng 20 giờ 00 ngày 09/01/2023 có Bùi Hồng S - sinh năm 1999, trú tại thôn TM, xã TL, huyện TT đến gặp T và hỏi mua 02 (hai) gói ma túy với giá 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) bị phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên.

Về người bán ma túy cho T, T khai không quen biết, không rõ danh tính, nhân thân, đặc điểm nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra mở rộng vụ án.

Kết quả xác minh về tài sản, thu nhập, xác định hiện tại bị cáo Bùi Văn T không có tài sản gì có giá trị.

Đối với Bùi Hồng S là người mua ma túy của T để sử dụng, quá trình điều tra xác định lượng ma túy mà S mua ở mức nhỏ hơn 0,1 gam. Bản thân S chưa bị kết án hoặc xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên không cấu thành tội phạm. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với S là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Bùi Văn Th là người đi cùng Bùi Hồng S. Quá trình điều tra xác minh Bùi Văn Th khai nhận không được bàn bạc thống nhất gì với Bùi Hồng S về việc mua ma túy của Bùi Văn T nên Cơ quan CSĐT Công an huyện TT không xử lý đối với Th.

Về vật chứng vụ án: Bắt quả tang, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 02 (hai) gói giấy nhỏ (loại giấy tờ tờ lịch), có kích thước khoảng 0,5 x 01cm, bên trong mỗi gói đều có chứa chất bột màu trắng (nghi là ma túy) và 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), có số seri NL 21502953 và 02 (hai) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng), có số seri lần lượt là SU 21805518 và SU 21805515; 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh nhãn hiệu VIVO đã qua sử dụng.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của T, thu giữ: 06 (sáu) gói giấy màu trắng (dạng giấy lịch), có kích thước tương đối bằng nhau khoảng 0,5 x 1cm, bên trong mỗi gói có chứa chất bột màu trắng (nghi là ma túy).

Các vật chứng trên hiện đang bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT chờ xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số: 30/CT-VKSTT ngày 04/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH đã truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và đề nghị xử phạt bị cáo từ 30 (Ba mươi) tháng đến 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2023.

Về hình phạt tiền bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Bùi Văn T.

Về vật chứng:

Đề nghị tiêu hủy toàn bộ số ma túy đã thu được (Sau giám định còn lại 0,109g (Không phải một không chín gam);

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 400.000 đ gồm: 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) có số seri 21502953; 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000đồng (Một trăm nghìn đồng) có số seri lần lượt là SU 21805518 và SU 21805515);

- Trả lại cho Bùi Văn T 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, màu xanh nhãn hiệu VIVO.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phản tranh tụng tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với kiểm sát viên; Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp để có điều kiện học tập, cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TT; của điều tra viên; của Viện Kiểm sát nhân dân huyện TT và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T thành khẩn nhận tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bùi Văn T thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho Bùi Hồng S với tổng khối lượng là 0,009g (không phải không không chín gam), loại Heroin và tàng trữ trái phép 0,127 gam Heroine nhằm mục đích bán kiếm lời.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố bị cáo Bùi Văn T theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Tính chất vụ án là nghiêm trọng do Bùi Văn T thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây tác hại xấu đến đời sống kinh tế - xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự an toàn xã hội được duy trì; Giáo dục người phạm tội, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của Bộ luật hình sự và cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh, bị cáo không có tài sản và không có thu nhập đáng kể nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[6]. Đối với Bùi Hồng Sn là người mua ma túy của Bùi Văn T để sử dụng, quá trình điều tra, xác định lượng ma túy mà S mua ở mức nhỏ hơn 0,1gam, do đó hành vi mua ma túy của S không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, mà hành vi của S đã phạm vào khoản 2, điều 23, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội. Công an huyện TT đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Bùi Hồng S là đúng quy định của pháp luật.

[7]. Đối với Bùi Văn Th là người đi cùng Bùi Hồng S. Quá trình điều tra xác minh, Bùi Văn Th không được bàn bạc thống nhất gì với Bùi Hồng S để mua ma túy của Bùi Văn T nên Cơ quan CSĐT Công an huyện TT không xử lý đối với Th là đúng quy định của pháp luật.

[8]. Đối với người đã bán ma túy cho Bùi Văn T: Do T khai không quen biết, không rõ danh tính, nhân thân, đặc điểm nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra mở rộng vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[9]. Về vật chứng:

- 01 chiếc phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TH được dán kín, niêm phong hoàn mầu giám định có chữ ký ghi rõ họ tên của Lê Minh Tiến, Lưu Bình Nguyên, Phạm Thanh Hải và các hình dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TH. Bên trong phong bì là toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì ký hiệu M1, M2 và 0,109g (Không phải một không chín gam) của phong bì ký hiệu M2 là mẩu vật còn lại sau giám định. Là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TH phát hành được dán kín niêm phong hoàn mầu giám định có các chữ ký ghi rõ họ tên Phạm Thanh Hải, Nguyễn Văn Quang và có đóng 03 hình dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TH. Mặt trước phong bì có ghi “số 482/KTHS”. bên trong phong bì có 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) có số seri 21502953; 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) có số seri lần lượt là SU 21805518 và SU 21805515, là số tiền do Bùi Văn T phạm tội mà có, nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 chiếc phong bì niêm phong do công an huyện TT, tỉnh TH phát hành được dán kín niêm phong có các chữ ký của Lê Văn Lộc, Lưu Văn Khánh, Quách Quang Nhật, Nguyễn Thị Hạnh, Bùi Văn T và các hình dấu giáp lai của công an thị trấn KT (bên trong có chứa 01 điện thoại di động, màu xanh nhãn hiệu VIVO, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong). Là tài sản của Bùi Văn T, không liên quan đến việc phạm tội của T, nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[10]. Về án phí: Bị cáo Bùi Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Văn T** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (Ngày 09/01/2023).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 chiếc phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TH được dán kín, niêm phong hoàn mẫu giám định có chữ ký ghi rõ họ tên của Lê Minh T, Lưu Bình Nguyên, Phạm Thanh Hải và các hình dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong chứa toàn bộ gói mở niêm phong của phong bì ký hiệu M1, M2 và 0,109g (Không phải một không chín gam) chất bột màu trắng của phong bì ký hiệu M2 là mẫu vật còn lại sau giám định).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) được chứa trong 01 chiếc phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành được dán kín niêm phong hoàn mẫu giám định có các chữ ký ghi rõ họ tên Phạm Thanh Hải, Nguyễn Văn Quang và có đóng 03 hình dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TH. Mặt trước phong bì có ghi “số 482/KTHS” (bên trong phong bì có 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) có số seri 21502953; 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) có số seri lần lượt là SU 21805518 và SU 21805515.

- Trả lại cho Bùi Văn T 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, màu xanh nhãn hiệu VIVO, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, được chứa trong 01 chiếc phong bì do Công an huyện TT, tỉnh TH phát hành được dán kín niêm phong có các chữ ký của Lê Văn Lộc, Lưu Văn Khánh, Quách Quang Nhật, Nguyễn Thị Hạnh, Bùi Văn T và các hình dấu giáp lai của công an thị trấn KT, huyện TT, tỉnh TH.

Các vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/4/2023, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh TH.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 6, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo Bùi Văn T. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Bị cáo;
- VKSND huyện TT;
- Công an huyện TT;
- Chi cục THADS TT;
- VKSND tỉnh TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Tuấn